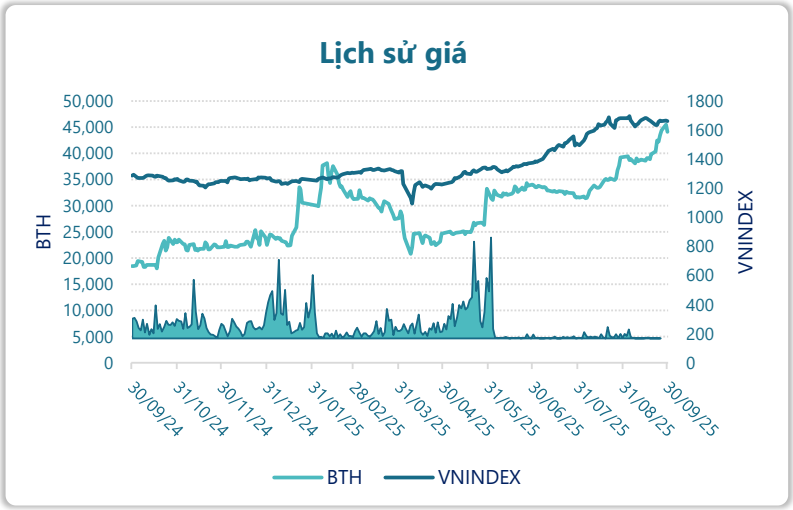
FireAnt

CTCP Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (UPCOM: BTH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**70,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,499
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,023
SL cổ phiếu LH	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,555
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,750
P/E	7.0
EPS	9,980

DT thuần

Q3/25

4.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.52| -9.5%

YoY: ▼211| -97.7%

LN sau thuế

Q3/25

10.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.50| 4.5%

YoY: ▼83.3| -88.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

271%

+/- YoY: ▲ 216%

DT thuần

9T 2025

22.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,408| -98.4%

LN sau thuế

9T 2025

31.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼460| -93.6%

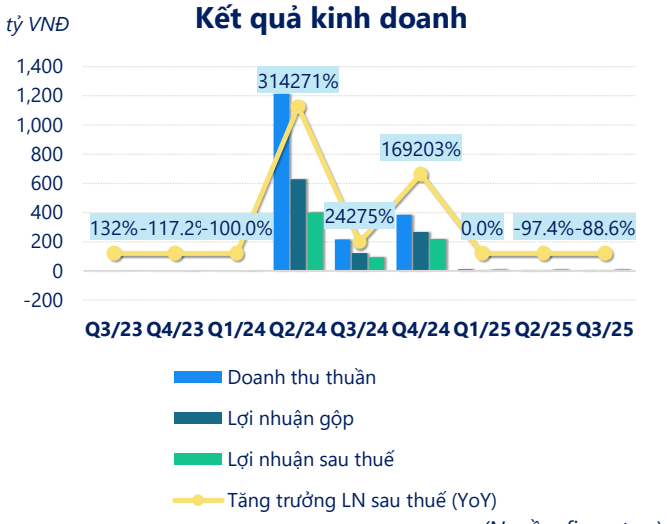
ROE

Q3/25

47.3%

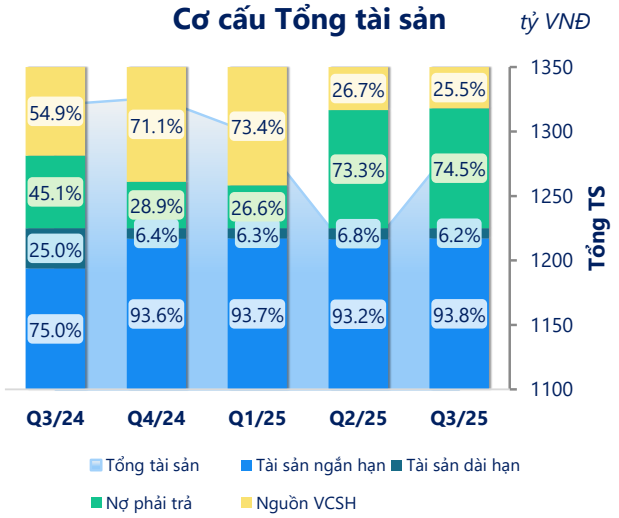
+/- YoY: ▼ 51.0%

Kết quả kinh doanh



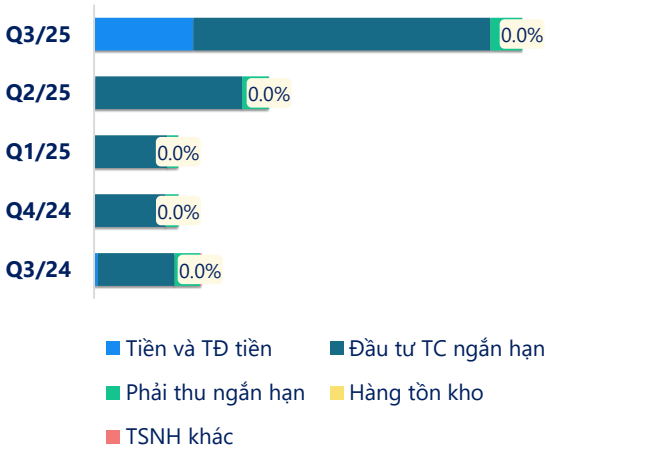
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



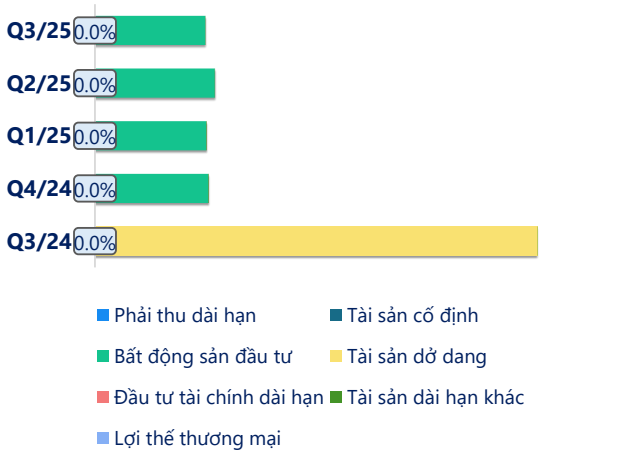
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



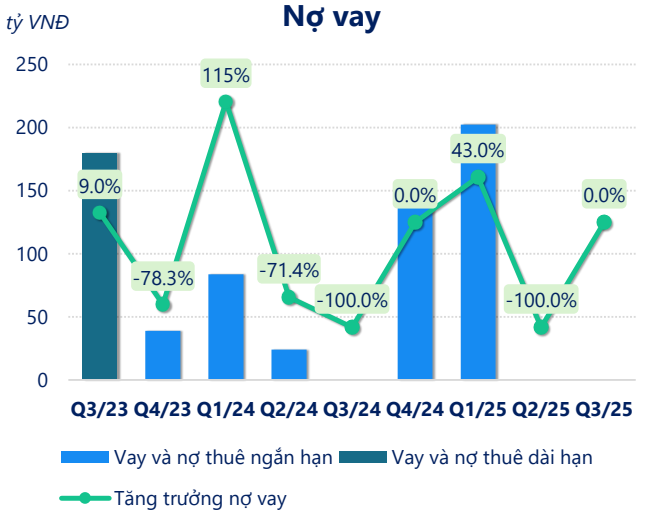
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



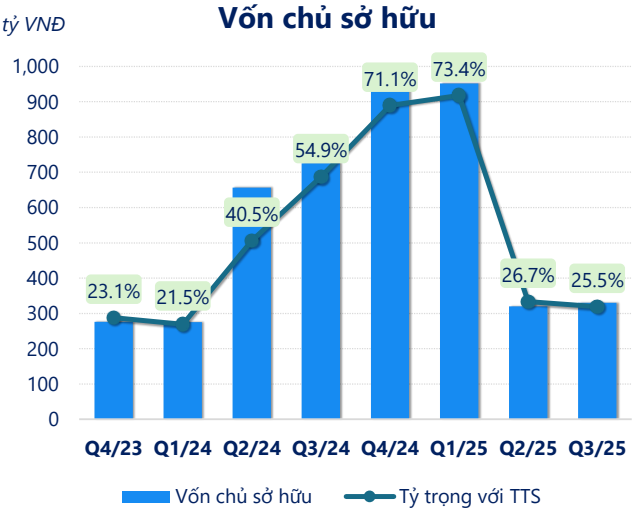
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



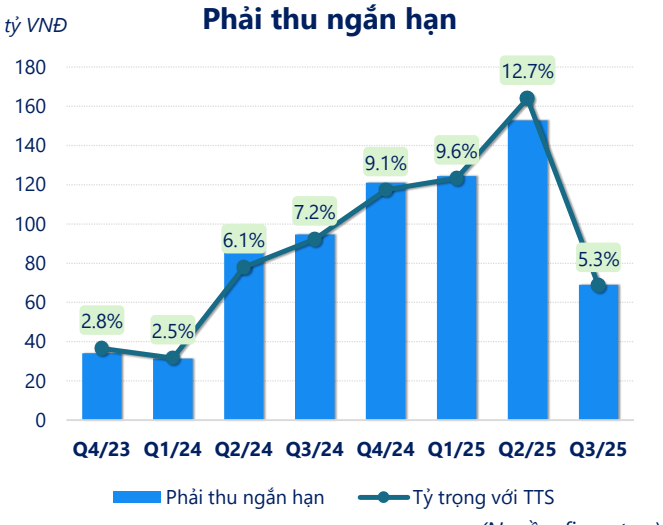
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



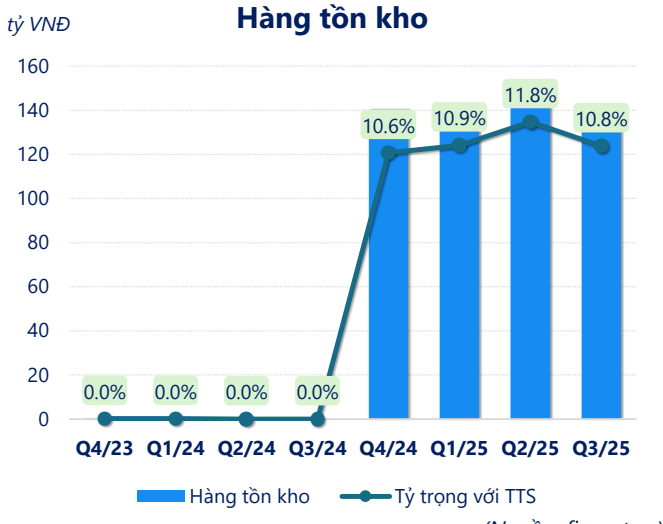
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



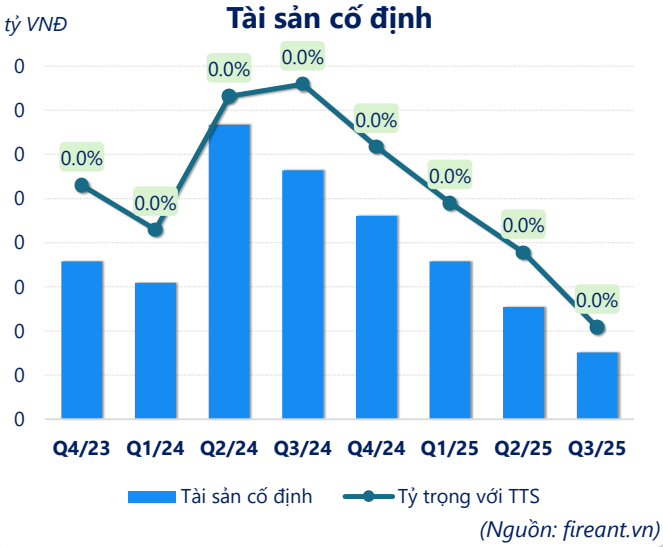
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



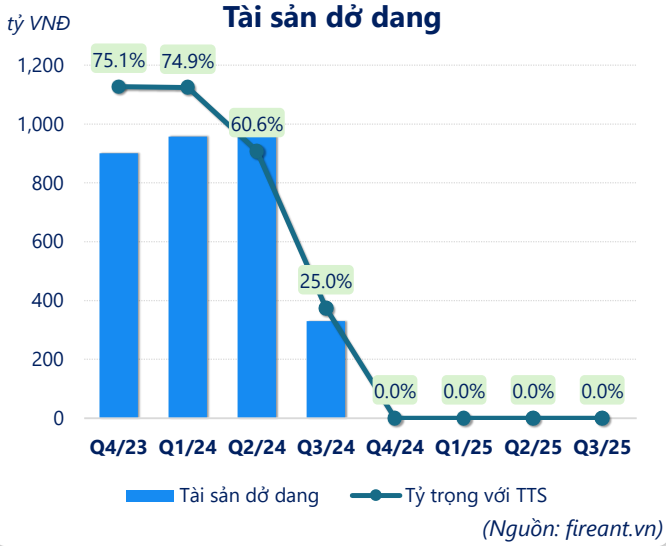
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



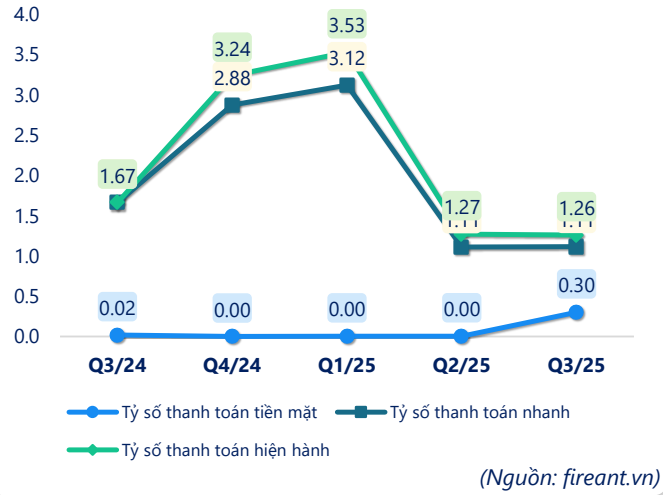
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



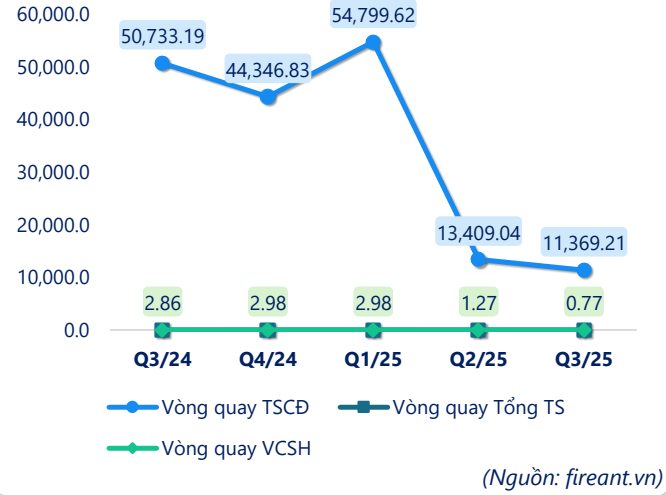
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,321**	**1,326**	**1,297**	**1,198**	**1,294**
Tài sản ngắn hạn	**991**	**1,241**	**1,215**	**1,117**	**1,214**
Tiền và tương đương tiền	10.8	0.38	1.04	3.88	290
Đầu tư tài chính ngắn hạn	885	980	949	819	715
Phải thu ngắn hạn	94.7	121	124	153	69.0
Hàng tồn kho	0	140	141	141	140
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.05	0.02	0.01	0.01
Tài sản dài hạn	**330**	**85.2**	**81.8**	**81.2**	**80.7**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.06	0.05	0.04	0.03	0.02
Bất động sản đầu tư	0	84.8	81.4	80.9	80.5
Tài sản dở dang	330	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.18	0.37	0.31	0.25	0.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**595**	**383**	**345**	**878**	**964**
Nợ ngắn hạn	**595**	**383**	**344**	**878**	**963**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	142	202	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	38.0	27.7	9.47	8.46	6.45
Nợ dài hạn	0	0	0.79	0.79	0.92
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**726**	**943**	**952**	**320**	**330**
Vốn chủ sở hữu	**726**	**943**	**952**	**320**	**330**
Vốn điều lệ	250	250	250	250	250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)